TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2026/DS-ST
Ngày 29-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Sơn

Ông Đỗ Thanh Tâm

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Văn Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2026/TLST - DS ngày 23 tháng 3 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2026/QĐXXST – DS ngày 08 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty C.P.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1970 (có mặt) và bà Cao Thị Hà G (vắng mặt); địa chỉ liên hệ: Số A đường N, phường TB, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Căn cước công dân: 096082006…

Địa chỉ cư trú: Ấp CN, xã NC, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Nguyên đơn Công ty C.P trình bày**:*

Ngày 09/10/2023 Công ty C.P và ông Nguyễn Thanh B có ký Hợp đồng mua bán số 49976/HĐMB để mua bán các loại thức ăn thủy sản.

Theo thỏa thuận tại khoản 1 Điều 3 Hợp đồng mua bán số 49976/HĐMB ông B phải thanh toán trực tiếp cho công ty C.P toàn bộ giá mua sản phẩm theo từng đơn đặt hàng. Trong trường hợp theo đề nghị của ông B về việc mua hàng trả chậm được thể hiện tại Đơn đề nghị mua hàng trả

chậm và được Công ty C.P chấp nhận thì thời hạn chậm thanh toán sẽ được xác định theo Đơn đề nghị mua hàng trả chậm. Tại khoản 4 Điều 3 Hợp đồng mua bán số 49976/HĐMB quy định đối với mọi khoản thanh toán quá hạn, Công ty C.P có quyền tính lãi suất trả chậm trên tổng số tiền chậm thanh toán từ ngày đáo hạn thanh toán đến ngày thanh toán thực tế. Mức lãi suất trả chậm sẽ do Công ty C.P quyết định và thông báo cho ông B trong mọi trường hợp không vượt quá 20%/năm.

Sau khi Hợp đồng được ký kết, ông B và Công ty C.P đã thực hiện việc mua bán hàng hóa, thanh toán đầy đủ theo từng đơn hàng. Ngày 04/04/2024 ông B có đơn đề nghị mua hàng trả chậm, theo đó thời hạn thanh toán là 90 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Trong tháng 02/2025 ông B tiếp tục đặt hàng và được Công ty C.P giao hàng đầy đủ, tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán ông B chỉ thanh toán được một phần tiền của đơn hàng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán của các đơn hàng từ ngày 17/02/2025 đến ngày 28/02/2025 và đến thời điểm hiện nay ông B còn nợ tiền hàng với số tiền là 678.715.807 đồng. Việc thiếu tiền này cũng đã được ông B thừa nhận tại Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31/7/2025.

Công ty C.P đã nhiều lần yêu cầu thanh toán, nhưng ông B vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán số công nợ còn lại. Do vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty C.P buộc ông Nguyễn Thanh B phải thanh toán cho Công ty C.P số tiền mua hàng nợ gốc và tiền lãi phát sinh chậm thanh toán với mức lãi suất là 0,03%/ngày, tương đương 0,9%/tháng được tính từ ngày 01/12/2025 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ thanh toán:

Tiền nợ gốc: 678.715.807 đồng

Tiền lãi tháng (7+8+9+10+11/2025) là: 25.877.116 đồng.

Tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của Hợp đồng từ ngày 01/12/2025 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ thanh toán, tạm tính đến ngày 29/7/2026 như sau: 678.715.807 đồng x 0,03%/ngày x 241 ngày = 49.071.153 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hàng và tiền lãi yêu cầu ông B giao trả bằng 753.664.076 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông B đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến

hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 09/10/2023, Công ty C.P và ông Nguyễn Thanh B đã giao kết Hợp đồng mua bán số 49976/HĐMB. Hợp đồng được các bên tự nguyện xác lập, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giao hàng đầy đủ theo các đơn đặt hàng của bị đơn. Việc bị đơn còn nợ tiền hàng số tiền 678.715.807 đồng được thể hiện qua các hóa đơn, chứng từ giao nhận hàng và Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ ngày 31/7/2025 có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Thanh B. Đây là những tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng, còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

[4] Mặc dù đã đến hạn thanh toán và nguyên đơn nhiều lần yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán khoản nợ hoặc có căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hàng là 678.715.807 đồng, nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán khoản tiền nợ gốc này là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần được chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán: Tại khoản 4 Điều 3 Hợp đồng mua bán số 49976/HĐMB, các bên có thỏa thuận đối với mọi khoản thanh toán quá hạn, Công ty C.P có quyền tính lãi chậm thanh toán trên số tiền chậm trả từ ngày đến hạn thanh toán đến ngày thanh toán thực tế; mức lãi suất do Công ty C.P quyết định nhưng không vượt quá 20%/năm. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức 0,03%/ngày, tương đương 0,9%/tháng (10,8%/năm), mức lãi suất này thấp hơn mức tối đa mà các bên đã thỏa thuận và không trái quy định của pháp luật.

[6] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán đến ngày 29/7/2026 là 74.948.269 đồng, gồm tiền lãi của các tháng 7, 8, 9, 10 và 11 năm 2025 là 25.877.116 đồng và tiền lãi từ ngày 01/12/2025 đến ngày 29/7/2026 là 49.071.153 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy cách tính lãi của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật, bị đơn không có ý kiến phản đối nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Do đó, cần buộc ông Nguyễn Thanh B thanh toán cho Công ty cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam tổng số tiền 753.664.076 đồng, trong đó tiền nợ gốc là

678.715.807 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 29/7/2026 là 74.948.269 đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông B phải chịu theo quy định pháp luật số tiền 34.146.563 đồng (Số tiền giao trả 753.664.076 đồng = 20.000. 000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng). Nguyên đơn không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 453 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C.P.

Buộc ông Nguyễn Thanh B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C.P tổng số tiền 753.664.076 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 678.715.807 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 29/7/2026 là 74.948.269 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Thanh B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, nếu mức lãi suất thỏa thuận phù hợp quy định của pháp luật; trường hợp không phù hợp thì thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Thanh B phải chịu tổng số tiền 34.146.563 đồng.

Công ty C.P không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Công ty C.P số tiền dự nộp tạm ứng án phí 16.344.341 đồng tại biên lai số 0002918 ngày 23/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 5 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 5 - Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Kiên